

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HC-ST

Ngày: 30 - 9 - 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Diễn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Trung

2. Ông Trần Hoài Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2025/TLST-HC ngày 11 tháng 4 năm 2025, thụ lý bổ sung số 416/2025/TB-HC ngày 18 tháng 9 năm 2025, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 9 năm 2025, quyết định số 45/2025/QĐST-HC ngày 18/9/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn T, sinh năm: 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Khu dân cư S, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Khu dân cư S, thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn G; địa chỉ: Khu dân cư B, thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt ngày 26/9/2025, vắng mặt ngày 30/9/2025).

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: E H, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Võ Minh V – Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: A H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Quảng Ngãi). *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Xã L, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Cao Văn Đ, sinh năm: 1965. *Có mặt.*

Địa chỉ: E đường C, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là E đường C, phường B, thành phố Hồ Chí Minh).

3.2 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: B V, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: E Q, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Quảng Ngãi). *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Xã L, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:*

Thửa đất số 175 tờ bản đồ số 9 (bản đồ 299) nay là thửa 260 tờ bản đồ số 40 (bản đồ 2004) và cũng là thửa 260 tờ bản đồ số 3 của xã Đ (tờ bản đồ chỉnh lý số 3 – Bản đồ thực hiện dự án do Công ty TNHH T2 VN039 đo đạc chỉnh lý). Loại đất đang sử dụng: đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác (ONT+BHK).

Thửa đất này nguyên là của ông Huỳnh C là đất bỏ hoang sau năm 1975 giải phóng đất nước, cha ông Nguyễn T là ông Nguyễn T1 xin khai hoang để canh tác họa màu, đến năm 1976 cha ông làm nhà ở, năm 1984 cha ông để nhà và đất cho vợ chồng anh Cao Văn Đ là con đời trước của mẹ ông ở và canh tác, nhưng cha ông là ông Nguyễn T1 vẫn còn để chuồng nuôi trâu ở tại đây, năm 1987, Nhà nước khảo sát đo đạc vẽ bản đồ đưa đất vào quản lý theo Chỉ thị 299 của Thủ tướng Chính phủ.

Ông Cao Văn Đ là anh trai ông Nguyễn T đã kê khai có tên trong sổ Mục kê (theo cung cấp của Văn phòng đăng ký đất đai); năm 1994, thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP, Hội đồng giao đất theo Nghị định

64/CP xã Đ đã làm thủ tục giao phần đất nông nghiệp cho hộ ông Cao Văn Đ là 520m² còn lại 200m² là đất có nhà ở, trong những năm sau đó anh em gia đình có khai phá hàng rào hoang dại và tre nứa nên diện tích có rộng hơn, năm 1996 vì nhà có 03 anh em trai nên chỗ ở cũng chật vật ông Cao Văn Đ có làm đơn xin đất làm nhà ở, được UBND huyện M cấp đất theo Quyết định 1011/QĐ-UB ngày 14/9/1996, nhưng ông Đ chưa xây dựng nhà ở, đến năm 2000 điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, ông Cao Văn Đ đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm thuê mua bán, nên ông Đ có viết giấy tay cho lại ông nhà ở và thửa đất nói trên, từ đó ông quản lý để ở và canh tác hoa màu đến năm 2004 Nhà nước chủ trương vẽ lại bản đồ sổ mục kê vẫn đứng tên Cao Văn Đ, nhưng diện tích thửa có tăng lên là 1.176m² thật ra gia đình quản lý sử dụng thửa đất này đến nay đã 48 năm, nhưng việc am hiểu về pháp luật cũng còn hạn chế nên cũng không quan tâm đến việc làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nên thửa đất chưa có Giấy chứng nhận QSDĐ, nay Nhà nước quy hoạch làm đường cao tốc, ngày 23/9/2022, UBND huyện M có thông báo thu hồi đất số 1416/TB-UBND thu hồi diện tích 473,7m² thuộc thửa đất nói trên của ông để thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía đông đã được ban bồi thường giải phóng mặt bằng làm thủ tục kiểm đếm áp giá.

Ngày 26/12/2023, ông được UBND xã Đ mời cùng một số hộ dân có đất bị ảnh hưởng để làm việc, được Chủ tịch UBND xã có giải thích là thửa đất mà ông đang ở canh tác thuộc diện đất do UBND xã quản lý; do đó mà không được bồi thường, ông có làm đơn khiếu nại đến ban bồi thường và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q, được Trung tâm phát triển quỹ đất có Văn bản số 35/TTPTQĐ-BT&GPMB ngày 03/01/2024 trả lời là Chủ tịch UBND xã Đ xác nhận là “Đất do UBND xã quản lý” tại Biên bản xác nhận ngày 19/9/2023 là toàn bộ diện tích thửa đất số 260 là đất UBND xã quản lý, ông thấy việc xác nhận của UBND xã Đ là không có một căn cứ nào vì đất và nhà ở đã sử dụng 48 năm không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch, không vi phạm pháp luật về đất đai mà không bồi thường cho ông. Nên ông có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã Đ, UBND xã đã tiến hành xác minh và tổ chức buổi đối thoại vào chiều 11/3/2024, đã công nhận phần đất nông nghiệp 520m² là đất được giao theo Nghị định 64/CP cho hộ anh Cao Văn Đ, còn lại 200m² đất ở cho là đất UBND xã quản lý, thử nghĩ thửa đất 175 tờ bản đồ số 9, bản đồ 299, diện tích 720m² đã có nhà và các công trình phụ đều làm trên giữa đám đất mà phần đất nông nghiệp là bao xung quanh nhà được giao theo Nghị định 64/CP chẳng lẽ còn 200m² đất ở chính giữa thửa đất lại là đất của UBND xã quản lý, Chủ tịch UBND xã kết luận là đất UBND xã quản lý thấy không có sự thuyết phục.

- Phần kết quả đối thoại: Có một số điểm ông không đồng ý, không có trong biên bản đối thoại vào chiều 11/3/2024 nhưng sau đó ông Chủ tịch đã chỉ đạo cho bộ phận giúp việc sửa lại biên bản đối thoại, đã thêm vào một số nội dung trong biên bản đối thoại, nên biên bản có 03 trang, ông là người hiểu biết về pháp luật còn hạn chế nên ông có ký vào biên bản đã sửa chữa này, còn người đại diện theo ủy quyền của ông không đồng ý một số nội dung đã thêm, nên người được ủy quyền của ông không có ký vào biên bản đã sửa chữa, mà ông

Chủ tịch vẫn đưa những nội dung đã thêm, vào quyết định giải quyết lần đầu là hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ việc cụ thể những nội dung đã thêm đó là:

- Thống nhất công nhận thửa đất 175, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 299/TTg), diện tích $720m^2$, nay thuộc thửa đất 260, tờ bản đồ số 40 (bản đồ năm 2004), diện tích $1.176m^2$ có $520m^2$ đất sản xuất nông nghiệp là của ông Nguyễn Thuận N tặng cho của hộ ông Cao Văn Đ năm 2000 (là đất giao theo Nghị định 64/CP của Chính Phủ cho hộ ông Cao Văn Đ năm 1994).

- Không công nhận phần diện tích $656m^2$ của thửa đất 260, tờ bản đồ số 40 (bản đồ năm 2004) trong đó có $200m^2$ đất có nhà ở và công trình khác của ông Nguyễn T đang sử dụng là đất của ông Nguyễn T. Diện tích $656m^2$ còn lại của thửa đất nêu trên (đã trừ $520m^2$ đất giao theo Nghị định 64/CP của ông Nguyễn Thuận N tặng cho từ hộ ông Đ) là đất do UBND xã Đ quản lý.

Phản kết luận và Quyết định: Chủ tịch UBND xã Đ cho rằng $200m^2$ đất ở và $456m^2$ là đất khai phá sau khi được giao theo Nghị định 64/CP nhưng trước năm 2004, vì $200m^2$ đất ở là đã có nhà ở đến nay đã 48 năm, mà việc UBND xã Đ vẫn kết luận phần đất ở và đất trồng cây hàng năm diện tích là $656m^2$ là đất UBND xã quản lý sự kết luận này là không có một căn cứ nào của pháp luật quy định. Nên việc giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND xã Đ là không thể hiện sự khách quan, đồng thời UBND xã Đ giải quyết việc khiếu nại không đúng thời gian quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại đã quá thời hạn là 18 ngày.

Ngày 17/4/2024, ông có đơn khiếu nại lần 2 đến UBND huyện M, ngày 15/8/2024 UBND huyện M có tổ chức buổi đối thoại, thấy việc giải quyết khiếu nại lần hai cũng không đưa ra một căn cứ nào của pháp luật quy định việc phần đất ở không giao theo Nghị định 64/CP và phần diện tích khai phá thêm là $456m^2$ thuộc diện đất UBND xã quản lý, mà còn có ý suy diễn là ông Cao Văn Đ có nhận thức sử dụng $200m^2$ đất ở là không hợp pháp là không có cơ sở nào để chứng minh, đồng thời có quan điểm vẫn giữ nguyên quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND xã Đ, và ban hành Quyết định 3467/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần 2, giữ nguyên quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND xã Đ. Từ đó, thấy việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND huyện M là không có một căn cứ nào rõ ràng mà cũng mang tính chất chung chung và giải quyết không đúng với quy định tại Điều 37, Luật Khiếu nại chỉ quy định là 60 ngày mà thời gian giải quyết là 125 ngày là vi phạm pháp luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Căn cứ các Điều luật quy định trong việc thu hồi đất, mà chủ đất không được bồi thường như Điều 82 Luật Đất đai 2013 và các Điều luật khác như khoản 1 Điều 75; khoản 2 Điều 77 thì đất của ông vẫn đủ điều kiện để bồi thường và thửa đất ông vẫn đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất đã ở và sử dụng đến nay là 48 năm theo quy định Điều 180 Bộ luật dân sự 2015 về chiếm hữu ngay tình; mặc dù ông Cao Văn Đ đã được Nhà nước cấp đất ở cho ông là $200m^2$ nhưng theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q về quy định hạn mức đất ở vùng nông thôn là $400m^2$. Như vậy

ông Cao văn Đ cũng chưa hề vượt hạn mức đất ở, do đó mà quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 1 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định: “khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai và các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và Điều 28 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất”.

Đồng thời đối chiếu Án lệ số 33/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thấy thửa đất số 260, tờ bản đồ số 3, xã Đ của ông có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vậy nên việc Nhà nước thu hồi làm dự án cao tốc Bắc Nam phải thực hiện việc bồi thường theo quy định là có cơ sở. Nhưng UBND huyện M cũng như UBND xã Đ cho rằng việc 200m² đất ở của thửa 260 là đất UBND xã quản lý, mà không đề nghị không đề nghị bồi thường cho ông, là đã gây thiệt hại đến quyền lợi của ông.

Nay, ông Nguyễn T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn T.

- Hủy Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn T (địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện M và Chủ tịch UBND xã Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Quảng Ngãi) thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Quyết định hành chính về thu hồi đất đối với ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành phần Quảng Ngãi - H thuộc Dự án công trình cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 - 2025 qua địa bàn xã Đ (nay là xã L).

** Tại văn bản số 160/UBND ngày 23/5/2025; Người bị kiện Chủ tịch UBND xã Đ trình bày:*

Về nội dung khởi kiện của ông Nguyễn T liên quan đến Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ông Nguyễn T khiếu nại việc Chủ tịch UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã có hành vi xác nhận nguồn gốc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40 (bản đồ 2004) xã Đ, ông Nguyễn T đang sử dụng làm nhà ở tại Biên bản xác nhận ngày 19/9/2023 là “Đất do UBND xã quản lý” không đúng với thực tế gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Nội dung này, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

**Tại Văn bản số 2208/UBND-NC ngày 05/9/2025, Chủ tịch UBND tỉnh Q - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Chủ tịch UBND huyện M trình bày:*

Ngày 23/9/2022, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Thông báo thu hồi đất số 1416/TB-UBND để thực hiện Dự án: Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - N, phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025 đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ của ông Nguyễn T đang sử dụng, diện tích dự kiến thu hồi là 473,7m².

Ngày 19/9/2023, Ủy ban nhân dân xã Đ họp xét nguồn gốc đất, xác nhận thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, diện tích 1176m², xã Đ (nay thuộc tờ bản đồ số 78, xã L) ông Nguyễn T đang sử dụng là đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý và được Ủy ban nhân dân huyện M phê duyệt Phương án bồi thường tại Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 với tổng giá trị bồi thường cho ông Nguyễn T tại thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ là: 0 đồng (Trong đó: bồi thường, hỗ trợ về đất: 0 đồng, bồi thường, cây cối hoa màu: 0 đồng, hỗ trợ khác: 0 đồng). Ông Nguyễn T không thống nhất với phương án bồi thường mà Ủy ban nhân dân huyện đã phê duyệt và nguồn gốc đất Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận nên ngày 11 tháng 01 năm 2024 ông Nguyễn T có đơn khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận nguồn gốc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ tại biên bản xác nhận ngày 19 tháng 9 năm 2023 là “Đất do Ủy ban nhân dân xã Q” không đúng với thực tế gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ngày 28/3/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ ban hành Quyết định số 92/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn T là công nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Nguyễn T là đúng, cụ thể: Công nhận một phần diện tích thửa đất 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ với diện tích là 520/1.176m², loại đất sản xuất nông nghiệp của ông Nguyễn Thuận N tặng cho của hộ ông Cao Văn Đ năm 2000 (Nguồn gốc là đất giao theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ ông Cao Văn Đ năm 1994) không phải là đất của Ủy ban nhân dân xã Q như biên bản xác nhận ngày 19 tháng 9 năm 2023 và không công nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Nguyễn T là không công nhận diện tích 656/1.176m² thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ loại đất theo bản đồ thể hiện đất ở và đất trồng cây hàng năm khác là của ông Nguyễn T mà phần diện tích 656/1.176m² này là đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý như biên bản xác nhận ngày 19 tháng 9 năm 2023.

Ông Nguyễn T không thống nhất kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) nên tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và được giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2024 là công nhận và giữ nguyên Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và không công nhận nội dung khiếu nại lần hai của ông Nguyễn T đối với “yêu cầu nhà nước công nhận

phần diện tích đất 656m² là đất của ông Nguyễn T (trong đó có 200m² là đất ở và 456m² đất trồng cây hàng năm khác)”.

Ông Nguyễn T không thống nhất kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2024 nên đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết.

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng

Thửa đất ông Nguyễn T đang sử dụng đã được Nhà nước thu hồi một phần đất để thực hiện Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc - N phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn xã L, tỉnh Quảng Ngãi tại thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, bản đồ xã Đ (nay là tờ bản đồ số 78 xã L) (thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9, diện tích là 720m²: bản đồ 299/TTg xã Đ). Nguyên là đất sản xuất nông nghiệp của ông Huỳnh C sử dụng từ trước năm 1975, năm 1976 ông Huỳnh C cho ông Nguyễn T1 để sử dụng làm nhà ở tạm (theo biên bản xác minh ngày 08 tháng 3 năm 2024 với ông Huỳnh Sáu C1 của ông Huỳnh C), nhà vách đất, mái lợp bằng tranh, rạ đến năm 1982 ông Nguyễn T1 để lại nhà cho con riêng của vợ là ông Cao Văn Đ và dâu là bà Hà Thị C2 sử dụng (theo trình bày của ông Đồng đại biên bản ngày 26 tháng 01 năm 2024).

Năm 1982, Hợp tác xã N1 (viết tắt là HTX N2 được thành lập, ông Huỳnh C là xã viên HTX N2 nên toàn bộ ruộng đất của ông đưa vào HTX N2 quản lý. Tuy nhiên, ông Cao Văn Đ vẫn sử dụng nhà ở trên thửa đất nêu trên, vì ông Đ không có nhà ở, chỗ ở nào khác. Trong quá trình sử dụng vợ chồng ông Cao Văn Đ có sửa chữa lại mái nhà chính lợp bằng ngói, xây dựng thêm 01 ngôi nhà ngang (nhà dưới) vách xây bằng gạch, mái lợp ngói và có đóng 01 giếng đóng (theo trình bày của ông Đ, tại biên bản lập ngày 26 tháng 01 năm 2024).

Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước, tại thời điểm này ông Cao Văn Đ là người sử dụng thửa đất nêu trên, nên trong Sổ mục kê ruộng đất “mẫu số 6” ghi chủ sử dụng đất là ông Cao Văn Đ; tuy nhiên, Sổ đăng ký ruộng đất “mẫu 5b” không có người đăng ký kê khai (có Phiếu cung cấp thông tin địa chính số 284/PCC-CNMD ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh huyện M cung cấp).

Năm 1993, thực hiện việc giao ruộng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, HTX N2 có cân đối cho hộ ông Cao Văn Đ 520m²/720m² của thửa đất 175, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 299/TTg) để sản xuất nông nghiệp, nay thuộc một phần thửa đất 260, tờ bản đồ số 40, bản đồ năm 2004 xã Đ (nay thuộc tờ bản đồ số 78 xã L).

Do không có đất ở hợp pháp, nên năm 1996 ông Cao Văn Đ, có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã Đ xin được cấp đất xây dựng nhà ở. Qua xem xét trường hợp của ông Cao Văn Đ chưa có chỗ ở hợp pháp, nên Hội đồng xét cấp đất cấp xã đã thống nhất và lập hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân huyện M cấp đất

cho hộ ông Cao Văn Đ để xây dựng nhà ở. Ngày 14 tháng 9 năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UB cấp đất ở cho ông Cao Văn Đ để xây dựng nhà ở với diện tích 200m² thuộc thửa đất số 268, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 299/TTg). Thời điểm này ông Đ chưa thực hiện việc xây dựng nhà ở tại vị trí đất được Ủy ban nhân dân huyện C3 tại Quyết định số 1011/QĐ-UB ngày 14 tháng 9 năm 1996, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hộ gia đình ông Đ vẫn tiếp tục sống tại nơi ở cũ (tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 299/TTg)).

Năm 2000, tất cả gia đình ông Cao Văn Đ chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ông Đ và các thành viên trong gia đình đều thống nhất tặng cho phần diện tích đất được cân đối giao theo Nghị định 64/CP của hộ ông Cao Văn Đ với diện tích là 520m² và nhà tạm có trên thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 299/TTg) cho em trai là ông Nguyễn T tiếp tục sử dụng (có Giấy viết tay lập ngày 12 tháng 3 năm 2000 kèm theo) (ông Nguyễn T và ông Cao Văn Đ là anh em cùng mẹ khác cha).

Đến năm 2004, thực hiện dự án Đa dạng hóa Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn xã Đ, thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9, diện tích 720m² (bản đồ 299/TTg) được đo đạc thành thửa đất số 260, tờ bản đồ 40, xã Đ, diện tích 1.176m² (tăng 456m² so với diện tích trong bản đồ 299/TTg).

Từ những căn cứ trên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N3 thấy thửa đất ông Nguyễn T đang sử dụng tại thửa đất số 260, tờ bản đồ 40 xã Đ (nay thuộc tờ bản đồ số 78 xã L), diện tích 1.176m²; trong đó có 520m² là đất giao theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Cao Văn Đ và ông Đ đã tặng cho ông Nguyễn T năm 2000, còn phần diện tích 656m² là đất do Ủy ban nhân dân xã Q.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N3 thấy việc giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 và giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2024 là đúng quy định.

**Tại Văn bản số 419/UBND ngày 17/9/2025, số 473/UBND-KT ngày 25/9/2025, Chủ tịch UBND xã L – Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND, Chủ tịch UBND xã Đ trình bày:*

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng

Thửa đất ông Nguyễn T đang sử dụng đã được Nhà nước thu hồi một phần đất để thực hiện Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc – N, phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn xã L, tỉnh Quảng Ngãi tại thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, bản đồ xã Đ (nay là tờ bản đồ số 78 xã L) (thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9, diện tích là 720m²; bản đồ 299/TTg xã Đ): Nguyên là đất sản xuất nông nghiệp của ông Huỳnh C sử dụng từ trước năm 1975, năm 1976 ông Huỳnh C cho ông Nguyễn T1 dựng một ngôi nhà ở tạm bằng vách đất, mái lợp bằng tranh, rạ để sử dụng (theo biên bản xác minh ngày 08/3/2024 với ông Huỳnh Sáu C1 của ông Huỳnh C), đến năm 1982 ông Nguyễn T1 để lại nhà ở

tạm cho con riêng của vợ ông Nguyễn T1 là ông Cao Văn Đ và dâu là bà Hà Thị C2 sử dụng (*theo trình bày của ông Đ, tại biên bản làm việc ngày 26/01/2024*).

Năm 1982 (HTX N1 được thành lập), ông Huỳnh C là xã viên HTX N2 nên toàn bộ ruộng đất của ông Huỳnh C đưa vào HTX N2 quản lý. Tuy nhiên, ông Cao Văn Đ vẫn tiếp tục sử dụng nhà ở trên thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9, diện tích là 720m²; bản đồ 299/TTg xã Đ, vì ông Đ không có nhà ở, chỗ ở nào khác.

Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước, tại thời điểm này ông Cao Văn Đ là người sử dụng thửa đất nêu trên, nên trong Sổ mục kê ruộng đất “*mẫu số 6*” ghi chủ sử dụng đất là ông Cao Văn Đ, tuy nhiên Sổ đăng ký ruộng đất “*mẫu 5b*” không có người đăng ký kê khai.

Năm 1993, thực hiện việc giao ruộng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, HTX N2 có cân đối giao cho hộ ông Cao Văn Đ 520m²/720m² của thửa đất 175, tờ bản đồ số 9 (*bản đồ 299/TTg*) để sản xuất nông nghiệp, nay thuộc một phần thửa đất 260, tờ bản đồ số 40, bản đồ năm 2004 xã Đ (nay thuộc tờ bản đồ số 78 xã L).

Do không có đất ở hợp pháp, nên năm 1996 ông Cao Văn Đ, có đơn gửi đến UBND xã Đ xin được cấp đất xây dựng nhà ở. Qua xem xét trường hợp của ông Cao Văn Đ chưa có chỗ ở hợp pháp, nên Hội đồng xét cấp đất cấp xã đã thống nhất và lập hồ sơ, trình UBND huyện M cấp đất cho hộ ông Cao Văn Đ để xây dựng nhà ở. Ngày 14/9/1996, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UB cấp đất ở cho ông Cao Văn Đ để xây dựng nhà ở với diện tích 200m² thuộc thửa đất số 268, tờ bản đồ số 9 (*bản đồ 299/TTg*). Thời điểm này ông Đ chưa thực hiện việc xây dựng nhà ở tại vị trí đất được UBND huyện cấp tại Quyết định số 1011/QĐ-UB, ngày 14/9/1996, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hộ gia đình ông Đ vẫn tiếp tục sống tại nơi ở cũ (tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9 (*bản đồ 299/TTg*)).

Năm 2000, tất cả gia đình ông Cao Văn Đ chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ông Đ và các thành viên trong gia đình đều thống nhất tặng cho phần diện tích đất được cân đối giao theo Nghị định 64/CP của hộ ông Cao Văn Đ với diện tích là 520m² và nhà ở tạm có trên thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9 (*bản đồ 299/TTg*), cho em trai là ông Nguyễn T tiếp tục sử dụng (*ông Nguyễn T và ông Cao Văn Đ là anh em cùng mẹ khác cha*).

Đến năm 2004, thực hiện dự án Đa dạng hoá Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn xã Đ, thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9, diện tích 720m² (*bản đồ 299/TTg*) được đo đạc thành thửa đất số 260, tờ bản đồ 40, xã Đ, diện tích 1.176m² (tăng 456m² so với diện tích trong bản đồ 299/TTg) và gia đình ông Nguyễn T sử dụng ngôi nhà trên thửa đất này từ năm 2000 đến khi thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – N, phía Đông.

Quá trình thu hồi đất để thực hiện dự án

Năm 2022, UBND huyện M ban hành Thông báo thu hồi đất số 1416/TB-UBND ngày 23/9/2022 để thực hiện Dự án: Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021- 2025 đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ của ông Nguyễn T đang sử dụng, diện tích dự kiến thu hồi là 473,7m².

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp cùng với UBND xã Đ tiến hành kiểm kê tài sản trên đất bị ảnh hưởng vào ngày 02/10/2022. Đến ngày 19/9/2023 UBND xã Đ tổ chức họp và xác nhận nguồn gốc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ là đất UBND xã quản lý.

Trên cơ sở xác nhận của UBND xã Đ, UBND huyện M ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND, ngày 15/12/2023 về việc thu hồi Thông báo số 1416/TB-UBND, ngày 23/9/2022 của UBND huyện M về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông.

Sau khi ban hành Quyết định thu hồi Thông báo số 1416/TB-UBND, ngày 23/9/2022, UBND huyện M ban hành Thông báo thu hồi đất số 508/TB-UBND, ngày 15/12/2023 về việc thu hồi đất UBND xã Đ đang quản lý thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40 xã Đ, diện tích dự kiến thu hồi là 473,7m² và UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 939/QĐ-UBND, ngày 16/12/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần Quảng Ngãi - H, đoạn qua định bản tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường C - Nam phía Đ, giai đoạn 2021- 2025, qua địa bàn xã Đ, huyện M (đợt A), thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 40 xã Đ, tổng diện tích thu hồi là 473,7m², nguồn gốc sử đất là đất UBND xã Đ quản lý.

Ngày 16/12/2023 UBND huyện M ban hành Quyết định số 948/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần Quảng Ngãi - H, đoạn qua định bản tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường C - Nam phía Đ, giai đoạn 2021- 2025, qua địa bàn xã Đ, huyện M (đợt A).

Từ những kết quả trên ông Nguyễn T không thống nhất nên có đơn khiếu nại về việc xác nhận nguồn gốc đất biên bản họp ngày 19/9/2023 của UBND xã Đ.

**Tại Văn bản số 2388/BQL-QLDA4 ngày 05/9/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Đối với thửa đất 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ (cũ) bị thu hồi để thực hiện Dự án, Ban quản lý chỉ làm chủ đầu tư, các nội dung khác Ban quản lý không thực hiện.*

**Tại Văn bản số 1973/TTQĐ-BT ngày 11/9/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi chỉ cung cấp tài liệu chứng cứ không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn T.*

**Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn Đ*

trình bày: Em ông là ông Nguyễn T khởi kiện là có cơ sở, thửa đất 260 ông đã cho ông T trọn quyền sử dụng nay ông không có tranh chấp hay ý kiến gì khác.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

** Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định pháp luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định Luật Tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố Tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn T. Về án phí hành chính sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện M, Chủ tịch UBND xã Đ; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Q; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi, Ban Q1 các Công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Ngày 18/9/2024, ngày 28/10/2024 và ngày 12/10/2024, ông Nguyễn T có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn T.

- Hủy Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn T (địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện M và Chủ tịch UBND xã Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Quảng Ngãi) thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Quyết định hành chính về thu hồi đất đối với ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, các quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Ngày 18/9/2025, ông Nguyễn T khởi kiện bổ sung, ông yêu cầu hủy Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành phần Quảng Ngãi - H thuộc Dự án công trình cao tốc Bắc – N, phía đông, giai đoạn 2021-2025 qua địa bàn xã Đ (nay là xã L). Xét thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn T.

[2] Xét về trình tự, thủ tục thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện

[2.1] Thực hiện Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – N, phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua xã Đ, huyện M. Ngày 23/9/2022, UBND huyện M ban hành Thông báo thu hồi đất số 1416/TB-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn T, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 3, xã Đ, diện tích dự kiến thu hồi là 473,7m².

Ngày 19/9/2023, UBND xã Đ họp xác định nguồn gốc đất, năm xây dựng nhà, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng dự án. Ngày 15/12/2023, UBND xã Đ ban hành Tờ trình số 267/TTr-UBND về việc đề nghị thu hồi thông báo thu hồi đất số 1416/TB-UBND của UBND huyện M, cùng ngày UBND huyện M ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND về việc thu hồi thông báo số 1416/TB-UBND ngày 23/9/2022 vì lý do không đúng chủ sử dụng đất.

Ngày 15/12/2023, UBND huyện M ban hành Thông báo thu hồi đất số 508/TB-UBND; theo đó, UBND huyện M thu hồi thửa đất 260, tờ bản đồ số 40 (bản đồ chỉnh lý số 3 – bản đồ thực hiện dự án) của UBND xã Đ, diện tích dự kiến thu hồi 473,7m².

Ngày 16/12/2023, UBND huyện M ban hành Quyết định số 939/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của UBND xã Đ để thực hiện tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi (đợt A), UBND huyện M thu hồi thửa đất 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ (thuộc thửa đất 260, tờ bản đồ chỉnh lý số 3- bản đồ thực hiện dự án do công ty TNHH T2, chỉnh lý).

Như vậy về trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi đất, UBND huyện M đã thực hiện đúng quy định.

[2.2] Không đồng ý với nội dung xác định nguồn gốc đất đối với thửa đất 260 là đất do UBND xã Đ quản lý, ngày 11/01/2024, ông Nguyễn T có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND xã Đ.

Ngày 12/01/2024, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Thông báo số 07/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông Nguyễn T.

Sau khi thụ lý khiếu nại, Chủ tịch UBND xã Đ thành lập tổ kiểm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại.

Ngày 11/3/2024, Chủ tịch UBND xã Đ tổ chức đối thoại nhưng kết quả không thành, ngày 28/3/2024, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định số 92/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn T.

Như vậy, Chủ tịch UBND xã Đ thụ lý đơn khiếu nại và tổ chức đối thoại, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền tại Điều 17, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.3] Không đồng ý nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu, ngày 17/4/2024, ông Nguyễn T có đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND huyện M; ngày 22/5/2024, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Thông báo số 307/TB-UBND thụ lý khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn T.

Sau khi thụ lý khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND huyện M thành lập Tổ xác minh và tổ chức đối thoại nhưng kết quả không thành.

Ngày 23/8/2024, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 3467/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn T.

Nhận thấy, Chủ tịch UBND huyện M thụ lý và giải quyết khiếu nại lần hai là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND huyện M vi phạm theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại.

[3] Xét nội dung của các Quyết định hành chính bị kiện.

[3.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất

Thửa đất 260, tờ bản đồ số 40, xã Đ bị ảnh hưởng thu hồi đất để thực hiện Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn xã Đ (nay là xã L, tỉnh Quảng Ngãi) thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9, diện tích là 720m²; bản đồ 299/TTg xã Đ. Nguyên là đất của ông Huỳnh C sử dụng từ trước năm 1975, năm 1976 ông Huỳnh C cho ông Nguyễn T1 để sử dụng làm nhà ở tạm, nhà vách đất, mái lợp bằng tranh, rạ đến năm 1982 ông Nguyễn T1 để lại nhà cho con riêng của vợ ông Nguyễn T1 là ông Cao Văn Đ và dâu là bà Hà Thị C2 sử dụng.

Năm 1982 (Hợp tác xã N1 được thành lập), ông Huỳnh C là xã viên HTX N2 nên toàn bộ ruộng đất của ông Huỳnh C đưa vào HTX N2 quản lý. Tuy nhiên ông Cao Văn Đ vẫn sử dụng nhà để ở trên thửa đất 175, vì ông Đ không có nhà ở, chỗ ở nào khác. Trong quá trình sử dụng vợ chồng ông Cao Văn Đ có sửa chữa lại mái nhà chính lợp bằng ngói, xây dựng thêm 01 ngôi nhà ngang (*nhà dưới*) vách xây bằng gạch, mái lợp ngói và có đóng 01 giếng đóng.

Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980, ông Cao Văn Đ đăng ký kê khai đối với thửa đất 260, diện tích 720m^2 tại Sổ mục kê ruộng đất “mẫu số 6”; theo Sổ đăng ký ruộng đất “mẫu 5b” không có cá nhân, tổ chức nào kê khai.

Thực hiện Nghị định 64/CP, hộ ông Cao Văn Đ được cân đối giao diện tích $520\text{m}^2/720\text{m}^2$ thuộc thửa đất 175, tờ bản đồ số 9 (*bản đồ 299/TTg*) để sản xuất nông nghiệp, nay thuộc một phần thửa đất 260, tờ bản đồ số 40, bản đồ năm 2004 xã Đ (nay thuộc tờ bản đồ số 78 xã L).

Năm 2000, ông Cao Văn Đ vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ông Đ và các thành viên trong gia đình đều thống nhất tặng cho phần diện tích đất được cân đối giao theo Nghị định 64/CP của hộ ông Cao Văn Đ với diện tích là 520m^2 và nhà tạm có trên thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9 (*bản đồ 299/TTg*) cho em trai là ông Nguyễn T tiếp tục sử dụng (*có Giấy viết tay lập ngày 12/03/2000*) (ông Nguyễn T và ông Cao Văn Đ là anh em cùng mẹ khác cha).

Đến năm 2004, thực hiện dự án Đa dạng hoá Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn xã Đ, thửa đất số 175, tờ bản đồ số 9, diện tích 720m^2 (*bản đồ 299/TTg*) được đo đạc thành thửa đất số 260, tờ bản đồ 40, xã Đ, diện tích 1.176m^2 (tăng 456m^2 so với diện tích trong bản đồ 299/TTg) do ông Cao Văn Đ kê khai.

Quá trình thực hiện thu hồi đất, ngày 19/9/2023, UBND xã Đ họp xét nguồn gốc đất, UBND xã Đ kết luận, đối với hộ ông Nguyễn T “phần đất có công trình trên đất là đất của UBND xã quản lý” (bút lục 141).

[3.2] Tuy nhiên, như đã nhận định ở phần trên, việc ông Cao Văn Đ, sau là ông Nguyễn T sử dụng thửa đất số 260, tờ bản đồ 40 xã Đ (nay thuộc tờ bản đồ số 78, xã L), diện tích 1.176m^2 là ổn định, liên tục, không phát sinh tranh chấp, UBND xã Đ trong quá trình quản lý đất đai tại địa phương cũng không phát sinh bất kỳ thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn T hay ông Cao Văn Đ. Quá trình tham gia tố tụng, UBND xã Đ (cũ) trình bày, tại thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP, hộ ông Cao Văn Đ được cân đối $520/720\text{m}^2$, phần diện tích 200m^2 là đất ở không cân đối do UBND xã quản lý; nhưng đối chiếu với tài liệu có trong hồ sơ vụ án, toàn bộ diện tích 720m^2 là do ông Cao Văn Đ kê khai theo Chỉ thị 299/TTg là đất T; năm 2004 đo đạc lại bản đồ địa chính thì ông Cao Văn Đ đăng ký kê khai thửa đất 260, diện tích 1.176m^2 ; tại thời điểm thu hồi đất, trên đất có phần nhà, vật kiến trúc của ông Nguyễn T đang sử dụng và tại biên bản họp ngày 18/3/2025 (bút lục 96), UBND xã Đ (cũ) cũng xác nhận: Tất cả công trình có trên diện tích đất bị ảnh hưởng dự án cao tốc Bắc – Nam tại thửa đất nêu trên do ông Cao Văn Đ xây dựng trước năm 1990 và các công trình đều phục vụ đời sống. Quá trình lập thủ tục trình thu hồi đất, UBND xã Đ chỉ lập biên bản ngày 19/9/2023, Công văn số 162/UBND ngày 27/7/2023 để xác nhận phần đất có nhà ở, vật kiến trúc do ông Nguyễn T đang sử dụng để xác định phần diện tích đất bị thu hồi có nhà ở thuộc thửa đất 175 là đất UBND xã quản lý là chưa đủ cơ sở pháp lý vững chắc. Mặt khác, tại biên bản họp ngày 18/3/2025 (bút lục 96), UBND xã Đ (cũ) đã xác nhận: Tất cả công trình có trên

diện tích đất bị ảnh hưởng dự án cao tốc Bắc – Nam tại thửa đất nêu trên do ông Cao Văn Đ xây dựng trước năm 1990 và các công trình đều phục vụ đời sống.

Do đó, việc UBND xã Đ (cũ) xác nhận nguồn gốc đất bị thu hồi, trong đó có phần diện tích 200m² trong tổng diện tích 720m² mà ông Cao Văn Đ kê khai là đất do UBND xã quản lý dẫn đến UBND huyện M ban hành Quyết định thu hồi đất, thu hồi diện tích 473,3m² thuộc thửa đất 260 là chưa đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T.

Do đó, ông Nguyễn T yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 939/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 là có căn cứ, đúng quy định.

[3.3] Do việc UBND xã Đ (cũ) xác định nguồn gốc đất chưa đủ căn cứ pháp lý nên việc Chủ tịch UBND xã Đ, Chủ tịch UBND huyện M thụ lý, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn T (cụ thể, phần diện tích 200m² thuộc diện tích 720m² là đất UBND xã quản lý) là cũng chưa đảm bảo đúng quy định. Ông Nguyễn T yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện: Buộc Chủ tịch UBND huyện M và Chủ tịch UBND xã Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Quảng Ngãi) thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Quyết định hành chính về thu hồi đất đối với ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật. Như đã nhận định tại phần trên, việc UBND huyện M ban hành Quyết định thu hồi đất số 939/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 là không đúng quy định nên ông Nguyễn T khởi kiện, buộc Chủ tịch UBND huyện M và Chủ tịch UBND xã Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Quảng Ngãi) thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Quyết định hành chính về thu hồi đất đối với ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, Điều 115, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 8, Điều 11,

Điều 22, Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 100 và Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; các Điều 17, 21, 27, 29, 30, 31, 33, 36, 37, 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T:

- Hủy Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn T.
- Hủy Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn T (địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M).
- Hủy Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành phần Quảng Ngãi - H thuộc Dự án công trình cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 - 2025 qua địa bàn xã Đ (nay là xã L).
- Buộc Chủ tịch UBND huyện M và Chủ tịch UBND xã Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Quảng Ngãi) thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Quyết định hành chính về thu hồi đất đối với ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000450 ngày 31/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

Chủ tịch UBND xã L (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND, Chủ tịch UBND xã Đ), Chủ tịch UBND tỉnh Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch UBND huyện M), mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Công Diễn

